TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám
2. Bà Lý Thị Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57 ngày 03 thàng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện A, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: Số 216, đường Lê Hồng Phong, khómN, Phường V, thành phố P, tỉnh Cà Mau.*(có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Lý Ngọc Đ**,** sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn X, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thùy L đề ngày 30 tháng 11 năm 2019; Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2020 có nội dung sau:

Chị Nguyễn Thùy anh Lý Ngọc Đ hai người kết hôn nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Cà Mau và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2018.

.

Thời gian chung sống chị Thùy L và anh Đ chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Chị L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã với nhau do tính tình vợ chồng không hợp. Nguyên nhân chính là do anh Đ có tính cờ bạc không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc và hai người sống ly thân nhau từ tháng 9/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh Đ cũng không có biện pháp gì hàn gắn lại nên chị L yêu cầu được ly hôn đối với anh Đ. Về tài sản chung và nợ chung chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L thì anh Đ đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ không đến và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L được quyền ly hôn với anh Lý Ngọc Đ.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lý Ngọc Đ và hiện nay anh Đ cư trú tại ấp C, thị trấn X, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Đ đều vắng mặt và nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L và anh Đ.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thùy L và anh Lý Ngọc Đ hai người kết hôn nhau vào năm 2018 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Cà Mau, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy L, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị L và anh Đ hai người sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường cải vã với nhau, nguyên nhân chính do anh Đ thường xuyên cờ bạc bao nhiêu tiền của cũng tiêu hết, không quan tâm gia đình, vợ con chị thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, xét thấy những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình, vợ chồng không có biện pháp giải hòa với nhau mà đ ể cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng dẫn đến không khả năng khắc phục và hiện tại chị L và anh Đ hai người không còn sống chung nhau từ tháng 9/2018 đến nay. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Đ cũng biết được việc chị L xin cầu ly hôn đối với anh, nhưng anh Đ không có thiện chí hàn gắn lại nên anh Đ không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy rằng thời gian chị L và anh Đ ly thân khá lâu, về mặt tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, nên việc chị L xin ly hôn đối với anh Đ là cần thiết. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy L đối với anh Lý Ngọc Đ là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Do chị L và anh Đ chưa có con chung nên không có yêu cầu xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và anh Đ không thể hiện tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thùy L phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[7] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy L đối với anh Lý Ngọc Đ. Chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với anh Lý Ngọc Đ.

2. Về con chung: Không có con cnung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu, anh Đ không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000219 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện A, Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út